

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 9 - 2025
V/v L hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Bảy

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 về việc “L hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1872025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Số A, khu phố K, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A, khu phố 4, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

Căn cước công dân số: 001082024615

- *Bị đơn:* Bà Ngô Trương Trúc L, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, hẻm B, khóm L, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường L, tỉnh Cà Mau). Vắng mặt

Căn cước công dân số: 0961890022761

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Ngọc T trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- *Về hôn nhân:* Ông và bà Ngô Trương Trúc L tự nguyện chung sống vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 18/01/2021, Giấy chứng nhận kết hôn 03. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ

chồng thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

- *Về con chung*: Ông và bà L có 01 người con chung tên Nguyễn Ngô Hải N, sinh ngày 09/01/2020; đang sống cùng ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

- *Về tài sản*: Ông xác định không có.

- *Về nợ chung*: Ông xác định Không có.

Đối với bị đơn Ngô Trương Trúc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho bà L tham gia các phiên họp, hòa giải, đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà L vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc L hôn.

Bị đơn bà Ngô Trương Trúc L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Ngô Trương Trúc L, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông T cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau, đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm. Xét thấy, ông T, bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ly hôn với bà L.

[3] Con chung: Ông T và bà L có 01 người con chung tên Nguyễn Ngô Hải N, sinh ngày 09/01/2020; đang sống cùng ông T. Khi L hôn, ông T yêu cầu được nuôi cháu N. Xét thấy, hiện nay cháu Nam đang sống ổn định cùng ông T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, không ảnh hưởng đến sinh hoạt, sự phát triển của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ. Bà L không có ý kiến, nên không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Ông T xác định không có, bà L không có ý kiến, nên không xem, giải quyết là có căn cứ.

[5] Nợ chung: Ông T xác định không có, bà L không có ý kiến, không ai yêu cầu về nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T, về việc yêu cầu ly hôn với bà Ngô Trương Trúc L.

Con chung: Giao cháu Nguyễn Ngô Hải N, sinh ngày 09/01/2020 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng; Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng. Ngày 25/4/2025, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Cà Mau (biên lai số 000004013675) được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Cơ quan THADS Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân